

PHỤ LỤC I
DANH MỤC PHÂN KHAI, GIAO DỰ TOÁN CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp) □

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	TỔNG CỘNG				95.182	35.905	43.890	13.173	2.214	
I	CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN TIẾP				13.796	7.196	5.326	0	1.274	
1	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm (theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018), TP. Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu cho huyện, thành phố) - năm thứ ba				1.885	611	0	0	1.274	
	- Bổ sung có mục tiêu cho UBND thành phố Cao Lãnh (Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ xoài, Hợp tác xã xoài Tân Thuận Tây; Kế hoạch liên kết sản xuất - cung cấp phân hữu cơ và tiêu thụ xoài, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tịnh Thới)	0493			1.885	611			1.274	Hỗ trợ 02 Dự án/ Kế hoạch liên kết TP Cao Lãnh đã được UBND cấp huyện phê duyệt giai đoạn 2023-2027 theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND (theo đề xuất của Chi cục PTNT)
2	Hỗ trợ lương cho lao động trẻ làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh- nguồn NS tỉnh: bổ sung có mục tiêu cho huyện, thành phố				5.326	0	5.326	0	0	Tổng hợp theo đề xuất của Sở KH&ĐT (làm tròn số)
	- UBND huyện Hồng Ngự	0493	lao động	8	290		290			
	- UBND huyện Tân Hồng	0493			0		0			Không có đăng ký
	- UBND huyện Tam Nông	0493	lao động	8	330		330			
	- UBND huyện Thanh Bình	0493	lao động	7	254		254			
	- UBND huyện Cao Lãnh	0493	lao động	37	1.341		1.341			
	- UBND huyện Tháp Mười	0493	lao động	16	640		640			
	- UBND huyện Lấp Vò	0493	lao động	11	500		500			
	- UBND huyện Lai Vung	0493			0		0			Không có đăng ký
	- UBND huyện Châu Thành	0493	lao động	3	140		140			
	- UBND thành phố Sa Đéc	0493	lao động	15	608		608			
	- UBND thành phố Cao Lãnh	0493	lao động	13	737		737			
	- UBND thành phố Hồng Ngự	0493	lao động	6	486		486			
3	Thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp theo Kế hoạch 92/KH - UBND ngày 24/3/2021 của UBND Tỉnh (bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố)			0	2.458	2.458	0	0	0	Tổng hợp từ Sở NN&PTNT (Chi cục PTNT)
	- UBND huyện Hồng Ngự	0493	lớp; người	3; 90	86	86				
	- UBND huyện Tân Hồng	0493	lớp; người	18;450	439	439				

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	- UBND huyện Tam Nông	0493	lớp; người	7;210: mới (4; 120)	338	338				
	- UBND huyện Thanh Bình	0493	lớp; người	4;105	108	108				
	- UBND huyện Cao Lãnh	0493	lớp; người	11;330	336	336				
	- UBND huyện Tháp Mười	0493	lớp; người	7;210	212	212				
	- UBND huyện Lấp Vò	0493	lớp; người	6;180	187	187				
	- UBND huyện Lai Vung	0493	lớp; người	7;210	209	209				
	- UBND huyện Châu Thành	0493	lớp; người	9;270	273	273				
	- UBND thành phố Sa Đéc	0493	lớp; người	2;50	49	49				
	- UBND thành phố Cao Lãnh	0493	lớp; người	5;150	162	162				
	- UBND thành phố Hồng Ngự	0493	lớp; người	2;60	59	59				
4	Thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề phi NN theo Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND Tỉnh (Bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố)			0	4.127	4.127	0	0	0	Tổng hợp từ sở Lao động-TB&XH
	- UBND huyện Hồng Ngự	0493	lớp; người	10; 200	384	384				
	- UBND huyện Tân Hồng	0493	lớp; người	15; 290	518	518				
	- UBND huyện Tam Nông	0493	lớp; người	13; 290	431	431				
	- UBND huyện Thanh Bình	0493	lớp; người	13; 250	372	372				
	- UBND huyện Cao Lãnh	0493	lớp; người	11; 240	406	406				
	- UBND huyện Tháp Mười	0493	lớp; người	13; 340	475	475				
	- UBND huyện Lấp Vò	0493	lớp; người	12; 270	400	400				
	- UBND huyện Lai Vung	0493	lớp; người	12; 280	431	431				
	- UBND huyện Châu Thành	0493	lớp; người	10; 190	358	358				
	- UBND thành phố Sa Đéc	0493	lớp; người	1; 60	78	78				
	- UBND thành phố Cao Lãnh	0493	lớp; người	5; 115	185	185				
	- UBND thành phố Hồng Ngự	0493	lớp; người	3; 85	89	89				
II	NHIỆM VỤ MỚI - ĐÃ CÓ CHỦ TRƯỞNG				876	0	876	0	0	
1	Hỗ trợ lương cho lao động trẻ làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 của HĐND Tỉnh - nguồn NS tỉnh: bổ sung có mục tiêu cho huyện, thành phố				366	0	366	0	0	Tổng hợp theo đề xuất của Sở KH&ĐT (làm tròn số)
	- UBND thành phố Hồng Ngự	0493	lao động	2	112		112			
	- UBND huyện Hồng Ngự	0493	lao động	1	54		54			
	- UBND huyện Tam Nông	0493	lao động	1	50		50			
	- UBND huyện Thanh Bình	0493	lao động	2	100		100			
	- UBND huyện Tháp Mười	0493	lao động2	1	50		50			

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
2	Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND				510	0	510	0	0	Tổng hợp theo đề xuất của Sở KH&ĐT (làm tròn số)
	- UBND thành phố Hồng Ngự	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Tân Hồng	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Tam Nông	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Tháp Mười	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Cao Lãnh	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Lai Vung	0493	HTX	2	60		60			
	- UBND huyện Lấp Vò	0493	HTX	1	30		30			
	- UBND huyện Châu Thành	0493	HTX	4	120		120			
III	NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN - TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN, NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH				34.654	26.369	6.360	1.925	0	
1	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022)				5.584	5.584	0	0	0	
1.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường				1.320	1.320	0	0	0	
Văn phòng Điều phối tỉnh	Lớp tập huấn hướng dẫn chủ thể hồ sơ minh chứng quảng bá sản phẩm (các sản phẩm đưa lên sàn thương mại điện tử theo thuộc Lĩnh vực VPĐP phụ trách theo Hướng dẫn số 3263/HD-SNN-OCOP ngày 23/8/2023	0493	lớp	2	115	115				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn hướng dẫn chủ thể hoàn thiện hồ sơ minh chứng OCOP (các tiêu chí trong Bộ tiêu chí đánh giá về công bố chất lượng sản phẩm, truy suất nguồn gốc và câu chuyện sản phẩm tại Hướng dẫn số 3263/HD-SNN-OCOP ngày 23/8/2023)	0493	lớp	2	98	98				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2025	0493			64	64				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Kinh phí in giấy chứng nhận sản phẩm đạt sao năm 2025	0493			20	20				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Kinh phí tham gia xúc tiến thương mại tại các Hội chợ trong tỉnh và ngoài tỉnh; tham dự Diễn đàn ĐBSCL (thường niên)	0493			244	244				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	In tem OCOP cho các chủ thể đạt chứng nhận 4 sao	0493			20	20				Theo điểm g, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Chương trình Trải nghiệm sản phẩm OCOP Đồng Tháp (đặt hàng với Đài Phát thanh và Truyền hình)	0493	phút, chương trình 3	12 phút x 24 chương trình	357	357				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Chương trình OCOP (đặt hàng với Đài Phát thanh và Truyền hình)	0493	phút, chương trình	5 phút x 51 chương trình	316	316				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thực hiện tuyên truyền trên Báo, tạp chí (Báo Đồng Tháp)	0493			86	86				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.2	Sở Tài chính				157	157	0	0	0	
	Tập huấn xây dựng Phương án/Dự án sản xuất kinh doanh (03 khóa, mỗi khóa 02 ngày, tổng cộng là 06 ngày, mỗi khóa 40 người)	0493	khoá	3	94	94				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn triển khai Phương án/Dự án sản xuất kinh doanh (02 khóa, mỗi khóa 02 ngày, tổng cộng là 40 ngày, mỗi khóa 40 người)	0493	khoá	2	63	63				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.3	Sở Công thương				450	450	0	0	0	
	Hỗ trợ xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2023 - 2025.	0493	điểm	3	300	300				Theo điểm đ, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức khảo sát, nghiên cứu, tìm kiếm thị trường ngoài Tỉnh	0493	cuộc	1	150	150				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.4	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh				193	193	0	0	0	
	Tập huấn thương mại điện tử. Tập huấn hướng dẫn xây dựng website/fanpage và quản lý website cho các Hội quán, HTX, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.	0493	lớp	5	77	77				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm. Chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn. Hướng dẫn thiết kế bao bì sản phẩm, mẫu mã nhãn hiệu hàng hóa; tập huấn hướng dẫn sản xuất và công bố sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.	0493	lớp	5	116	116				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.5	Liên minh Hợp tác xã tỉnh				362	362	0	0	0	
	Tổ chức Hội thảo chuyên đề Kỹ năng phát triển thị trường quảng bá sản phẩm OCOP của HTX; Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP cho các HTX trên địa bàn Tỉnh	0493	cuộc	2	92	92				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức tập huấn các chuyên đề chuyên sâu về Chương trình OCOP để hỗ trợ, hướng dẫn cho HTX phát triển sản phẩm OCOP	0493	lớp	5	270	270				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.6	Trung tâm Xúc tiến thương mại, Du lịch và Đầu tư (Sau khi Đề án sắp xếp được phê duyệt sẽ chuyển kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho đơn vị mới tiếp nhận để tiếp tục thực hiện)				1.200	1.200	0	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Tham gia Hội chợ OCOP tại các tỉnh, thành trong cả nước	0493		2-4 gian/1 chương trình	600	600				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thực hiện không gian quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các sự kiện, Lễ hội diễn ra trên địa bàn Tỉnh	0493		40-60 đơn vị/chương trình	400	400				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thực hiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản đặc trưng tại các chương trình, sự kiện diễn ra trong và ngoài tỉnh	0493		40-60 đơn vị/chương trình	100	100				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Biên tập, chỉnh sửa, bổ sung và in tái bản tài liệu tuyên truyền "Cẩm nang Giới thiệu sản phẩm OCOP tỉnh Đồng Tháp song ngữ Việt - Anh"	0493		Số lượng tái bản 1.000 quyển	100	100				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.7	Đoàn Thanh niên CS HCM Tỉnh				63	63	0	0	0	
	Tổ chức triển lãm trưng bày các sản phẩm OCOP, sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên	0493	đợt	1	63	63				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.8	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)				311	311	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP	0493			311	311				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.9	UBND huyện Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				186	186	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP	0493		Truyền thông (10 bảng), tập huấn về NTM tại đại phương (10 lượt)	150	150				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem sản phẩm OCOP	0493			36	36				Theo điểm g, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.10	UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)				60	60	0	0	0	
	Tổ chức đánh giá xếp hạng OCOP và tổ chức Hội nghị OCOP	0493			60	60				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.11	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)				118	118	0	0	0	
	Tập huấn hướng dẫn Đoàn viên, Thanh niên kinh doanh sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm OCOP trên một số nền tảng mạng xã hội và sàn thương mại điện tử năm 2025	0493	lớp	3	18	18				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Tổ chức các hoạt động chương trình OCOP và nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP	0493			100	100				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.12	UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				141	141	0	0	0	
	Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến các kiến thức về OCOP	0493			23	23				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Hội Đồng Đánh giá xếp loại các sản phẩm OCOP của Huyện	0493			100	100				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Hỗ trợ In tem ocop 3 sao cho 30 sản phẩm	0493		30 sp x 2.000 tem x 300 đ/tem	18	18				Theo điểm g, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.13	UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)				50	50	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP	0493			50	50				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.14	UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)				70	70	0	0	0	
	Hỗ trợ thực hiện chương trình OCOP (tổ chức Thi phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện)	0493	cuộc	1	40	40				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn chương trình OCOP	0493	lớp	2	30	30				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.15	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				200	200	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP	0493			200	200				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.16	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)				250	250	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP	0493			250	250				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.17	UBND thành phố Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				160	160	0	0	0	
	Hỗ trợ xây dựng và thiết kế nhãn hiệu sản phẩm OCOP 2025	0493	cơ sở	8	120	120				Theo điểm e, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức đánh giá sản phẩm OCOP 2025	0493	đợt	1	40	40				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
1.18	UBND thành phố Sa Đéc (bổ sung có mục tiêu)				138	138	0	0	0	
	Thực hiện các hoạt động chương trình OCOP	0493			103	103				Theo các khoản của Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Đăng ký nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ OCOP 4 sao	0493	cơ sở	1	35	35				Theo điểm e, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
1.19	UBND thành phố Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				155	155	0	0	0	
	Hỗ trợ Hội đồng đánh giá và tổ giúp việc sản phẩm OCOP 2025	0493	sản phẩm	15	40	40				Theo điểm h, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn OCOP	0493	lớp	3	15	15				Theo điểm c, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Hỗ trợ xúc tiến quảng bá sản phẩm OCOP	0493	cuộc	10	100	100				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
2	Chương trình Du lịch nông thôn (Quyết định 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022)				200	100	0	100	0	
	UBND thành phố Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				200	100	0	100	0	
	Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch trải nghiệm "Đêm Tân Thuận Tây"	0493			200	100		100		Theo điểm a, khoản 8, Điều 2 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3	Chương trình chuyển đổi số trong XD NTM (Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022)				1.900	1.325	0	575	0	
3.1	Sở Khoa học và Công nghệ				750	750	0	0	0	
Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp	Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn	0498	Người	3.450	750	750				Khoản 1, Điều 101 Thông tư 55/2023/TT-BTC
3.2	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				900	450	0	450	0	
	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (thiết lập mới Đài truyền thanh không dây xã nông thôn mới) cấp xã (Tân Thành, Phong Hoà)	0498			900	450		450		Theo điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.3	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)				250	125	0	125	0	
	Hỗ trợ mô hình Quan trắc nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp, quan trắc đo 05 chỉ tiêu: Độ mặn, mực nước, pH, DO và nhiệt độ nước (Làng thông minh xã Tân Bình)	0498	7		250	125		125		Theo Khoản 14, Điều 2, Nhị quyết số 22/2022/NQ-HĐND

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
4	Chương trình Bảo vệ Môi trường, ATTP và NSNT (Quyết định 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022)				10.719	8.219	1.250	1.250	0	
4.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường				5.212	5.212	0	0	0	
Chi cục Thủy lợi	Hợp đồng mở lớp tập huấn về thực hiện Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và Tài liệu hướng dẫn triển khai năm 2025 (QĐ số 1893/QĐ-BNN-TL ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0497	Lớp	1	259	259				Điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thực hiện điều tra Bộ chỉ số theo dõi đánh giá Nước sạch nông thôn năm 2025	0497	Cuộc	1	3.528	3.528				Theo khoản 7, Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức thẩm định cơ sở cấp nước an toàn theo Thông tư 23/2023/TT-BNNPTNT năm 2025	0497	Đợt	1	83	83				Theo khoản 8, Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Chi kinh phí giáo dục, truyền thông về cấp nước an toàn trong trong thôn mới năm 2025	0497	Đợt	1	168	168				Điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
Chi cục Trồng trọt và BVTV	Tập huấn và thực hành thu gom tái chế phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ vi sinh trong xây dựng nông nghiệp tuần hoàn	0497	lớp	6	602	602				Theo điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn triển khai văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm	0497	lớp	12	572	572				Theo khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.2	Sở Công thương				257	257	0	0	0	
	Triển khai kế hoạch nhân rộng mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm	0497	KH	1	257	257				Theo điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.3	Hội Nông dân Tỉnh				1.473	1.473	0	0	0	
	Tập huấn đào tạo chuyên sâu về tái chế rác hữu cơ làm phân bón, bảo vệ thực vật hữu cơ, thức ăn chăn nuôi,... Tại các huyện đã thực hiện mô hình IMO năm 2023, 2024 (5 lớp trực tiếp, 5 lớp trực tuyến)	0497	Lớp	10	51	51				Theo điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Nhân rộng Mô hình điểm “Nông dân Đồng Tháp tái sử dụng rác thải sinh hoạt hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp tạo ra chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất tại các huyện, thành phố trong tỉnh	0497	Huyện	4	1.422	1.422				Theo khoản 21, Điều 1, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND
4.4	UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)				2.632	132	1.250	1.250	0	
	- Xây dựng mô hình chợ an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn nông thôn mới (bổ trí kinh phí tỉnh hỗ trợ đối ứng mô hình chưa phân bổ bổ sung cho huyện năm 2024)	0497			2.500		1.250	1.250		Theo Khoản 13, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			132	132				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.5	UBND huyện Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				122	122	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			122	122				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC; ưu tiên huyện biên giới xây dựng huyện NTM
4.6	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)				121	121	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			121	121				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.7	UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				187	187	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			187	187				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.8	UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)				132	132	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			132	132				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.9	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				121	121	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			121	121				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.10	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)				132	132	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			132	132				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.11	UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)				121	121	0	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			121	121				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.12	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)				88	88	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			88	88				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.13	UBND thành phố Sa Đéc (bổ sung có mục tiêu)				33	33	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			33	33				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.14	UBND thành phố Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				66	66	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			66	66				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
4.15	UBND thành phố Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				22	22	0	0	0	
	- Hỗ trợ thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0497			22	22				Theo điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 108, Thông tư 55/2023/TT-BTC
5	Chương trình an ninh, trật tự (Quyết định 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022) - Công an Tỉnh				1.129	1.129	0	0	0	
	Xây dựng tài liệu và tờ bướm tuyên truyền về công tác Công an thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để cấp phát đến địa bàn cơ sở	0501	tờ	144.000	432	432				Theo điểm a, khoản 1, Điều 120 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức tập huấn cho lực lượng nông cốt tham gia bảo vệ AN,TT ở cơ sở	0501	lớp	24	605	605				Theo điểm d, khoản 1, Điều 120 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức tuyên truyền về công tác Công an thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTV góp phần xây dựng nông thôn mới	0501	xã	115	92	92				Theo điểm a, đ, khoản 1, Điều 120 Thông tư 55/2023/TT-BTC
6	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (Nội dung thành phần số 03)		10		3.281	3.171	110	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
6.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường				2.155	2.155	0	0	0	
Chi cục Phát triển nông thôn	Tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ phụ trách tham gia công tác đào tạo nghề nông nghiệp	0493	lớp	1	8	8				Theo khoản 1, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp	0493	GT	2	95	95				Theo khoản 3, Điều 95, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Điều tra kết quả đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025	0493	Cuộc	1	147	147				Theo khoản7, Điều 4 và khoản 2, Điều 95, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn nâng cao năng lực cho lao động của các làng nghề	0493	Lớp	1	129	129				Theo điểm b, khoản 2, Điều 88 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tham gia giới thiệu, quảng bá, trưng bày, trình diễn sản phẩm OCOP của các làng nghề, làng nghề truyền thống tại Festival, chương trình, sự kiện diễn ra trong năm 2025; Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam và Festival Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam	0493	Đợt	2	454	454				Theo điểm d, khoản 2, Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn nâng cao kiến thức quản lý nhà nước đối với làng nghề	0493	Lớp	1	75	75				Theo khoản 1, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Lớp tập huấn nâng cao năng lực và nghiên cứu thực tế cho cán bộ quản lý Kinh tế tập thể, Hợp tác xã	0493	lớp	1	101	101				Theo khoản 2, Điều 90 Thông tư 55/2023/TT-BTC
Chi cục Trồng trọt và BVTV	Tập huấn ứng dụng phần mềm trong truy xuất nguồn gốc nông sản chủ lực cho các xã duy trì, nâng chất đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu	0493	lớp	12	284	284				Theo khoản 3, Điều 84 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn cập nhật các quy định mới trong lĩnh vực thủy sản	0493	lớp	9	83	83				Theo khoản 1, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Tập huấn nâng cao kiến thức về đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và kinh doanh (Bao gồm các hộ chăn nuôi: gia súc, gia cầm, thủy sản; Các hộ sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh: thịt, các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản)	0493	lớp	40	336	336				Theo khoản 2, Điều 107, TT 55/2023/BTC
	Tập huấn cho cán bộ cấp huyện (PNN, TTDVNN) văn bản mới , biện pháp phòng chống các bệnh mới nổi nguy hiểm; môi trường trong chăn nuôi, giám phát thải nhà kính (tổ chức tại Tỉnh; 02 đợt)	0493	lớp	2	11	11				Theo điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn cho cán bộ cấp xã (gồm: nhân viên thú y, cán bộ sản xuất nông nghiệp; và các lãnh đạo, cán bộ nhân viên phụ trách nông nghiệp) nâng cao năng lực quản lý và đào tạo năng lực chuyên môn; ứng dụng phần mềm, công nghệ thông tin để nhập liệu, số hóa dữ liệu chăn nuôi thú y; chuyển đổi số nông nghiệp (143 xã); tổ chức tại huyện	0493	lớp	10	59	59				Theo khoản 1, Điều 4 và khoản 1, Điều 110 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn, triển khai về quy hoạch nuôi cá tra, lồng bè theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt và các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong nuôi cá tra, cá lồng, bè	0493	lớp	18	175	175				Theo khoản 1, Điều 4 và khoản 2, Điều 107, Thông tư 55/2023/TT-BTC
Trung tâm Dịch vụ NN, QLKTCT TL&NSN T	Đào tạo, tập huấn sản xuất cây ăn trái, ... theo các tiêu chuẩn an toàn cho HTX, nông dân và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng trong Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông lâm sản đạt chuẩn, kế hoạch phát triển ngành hàng sen của tỉnh) phục vụ chỉ tiêu ATTP tiêu chí 17	0493	lớp	5	198	198				Theo khoản 1, Điều 4 và khoản 2, Điều 107, Thông tư 55/2023/TT-BTC
6.2	Sở Công thương				310	200	110	0	0	
	Tham gia hội nghị kết nối giao thương, kết nối cung cầu với các tỉnh, thành phố trong nước	0493	cuộc	2	200	200				Theo khoản 4, Điều 91 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Hỗ trợ xây dựng các điểm giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bán hàng và kho trung chuyển hàng hóa ở ngoài Tỉnh	0493	điểm	3	110		110			Theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của HĐND Tỉnh
6.3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh				42	42	0	0	0	
	In sổ tay hỏi đáp Luật HTX năm 2023	0493	cuốn	500	42	42				Theo khoản 2, Điều 90 Thông tư 55/2023/TT-BTC
6.4	Trung tâm Xúc tiến thương mại, Du lịch và Đầu tư (Sau khi Đề án sắp xếp được phê duyệt sẽ chuyển kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho đơn vị mới tiếp nhận để tiếp tục thực hiện)				300	300	0	0	0	
	Tham gia Hội chợ Triển lãm của ngành nông nghiệp tại các tỉnh, thành	0493	2-4 gian/1 chương trình 12	3 chương trình	300	300				Theo khoản 4, Điều 91 Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
6.5	Sở Giáo dục và Đào tạo				60	60	0	0	0	
	Chỉ phát triển nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy nghề (Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm trình độ sơ cấp cho cá nhân tại công ty, doanh nghiệp, người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước - học phí 2.000.000 đồng/người/khóa)	0493	Người	30	60	60				Theo khoản 5, Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC
6.6	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)				267	267	0	0	0	
	Chi phí thực hiện tư vấn, hướng dẫn việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói (Hội nghị tuyên truyền tập huấn, chi công tác phí định vị tọa độ, hỗ trợ hộ nông dân ghi nhật ký sản xuất, giám sát định kỳ vùng trồng đã được cấp mã số, ...)	0493			267	267				Theo khoản 3, Điều 84 Thông tư 55/2023/TT-BTC
6.7	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)				147	147	0	0	0	
	Tổ chức kết nối liên kết tiêu thụ giữa doanh nghiệp và HTX trong thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	0493	cuộc	20	97	97				Theo khoản 4, Điều 91 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tọa đàm xây dựng chuỗi giá trị nông sản theo đề án 1 triệu hecta gắn với vùng nguyên liệu huyện NTM	0493	cuộc	2	50	50				Theo khoản 3, Điều 91 Thông tư 55/2023/TT-BTC
7	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn (Nội dung thành phần số 06)				1.549	1.549	0	0	0	
	- Hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp (bổ sung có mục tiêu cho các huyện/thành phố - ưu tiên thực hiện tại xã XD NTM nâng cao, kiểu mẫu)				1.549	1.549	0	0	0	Theo khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND
	- UBND huyện Tân Hồng	0496	NVH ấp	3	90	90				
	- UBND huyện Thanh Bình	0496	NVH ấp	5	199	199				
	- UBND huyện Lai Vung	0496	TTVH xã, NVH ấp	2; 11	625	625				
	- UBND huyện Cao Lãnh	0496	TTVH xã, NVH ấp	3; 6	420	420				
	- UBND huyện Tam Nông	0496	NVH ấp	5	150	150				
	- UBND thành phố Cao Lãnh	0496	NVH ấp	4	65	65				
8	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM (Nội dung thành phần số 09)				1.244	1.244	0	0	0	
8.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN Tỉnh				660	660	0	0	0	
	Mô hình "Khu dân cư tự quản"	0499	mô hình	114	570	570				Theo điểm a, khoản 1, Điều 115 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thăm định kết quả khảo sát sự hài lòng đối với xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.	0499	đơn vị	12	90	90				Theo điểm c, khoản 1, Điều 115 Thông tư 55/2023/TT-BTC
8.2	Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh				354	354	0	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Truyền thông nâng cao nhận thức cho hội viên, phụ nữ về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (01 buổi) (tại huyện)	0499	cuộc	12	168	168				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn kiến thức về bảo vệ môi trường và các tiêu chí Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" và "gia đình 5 có, 3 sạch" (tại 4 cụm của 12 huyện, thành phố)	0499	cụm	4	88	88				Theo khoản 2, Điều 119 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chi, tổ hội về công tác xây dựng gia đình, thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch và xây dựng nông thôn mới (tại 4 cụm của 12 huyện, thành phố)	0499	cụm	4	98	98				Theo khoản 2, Điều 119 Thông tư 55/2023/TT-BTC
8.3	Đoàn Thanh niên CS HCM Tỉnh				171	171	0	0	0	
	Công tác tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Bảng tuyên truyền nông thôn mới tại 12 huyện, thành phố (10tr/gói/huyện-thành phố * 12 huyện/thành phố))	0499	đơn vị	12	120	120				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tập huấn nâng cao kiến thức về phát triển sản phẩm khởi nghiệp cho thanh niên khởi nghiệp và phát triển kinh tế	0499	lớp	1	51	51				Theo điểm b, khoản 1, Điều 118 Thông tư 55/2023/TT-BTC
8.4	Liên đoàn Lao động Tỉnh				59	59	0	0	0	
	Tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại các công ty, doanh nghiệp	0499	buổi	3	59	59				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
9	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (Nội dung thành phần số 11)				9.048	4.048	5.000	0	0	
9.1	Tập huấn, tuyên truyền				2.411	2.411	0	0	0	
(1)	Sở Nông nghiệp và Môi trường				449	449	0	0	0	
Văn phòng Điều phối tỉnh	Chương trình nông thôn mới (đặt hàng với Đài Phát thanh và Truyền hình)	0502	phút, chương trình	5 phút x 51 chương trình	316	316				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Thực hiện chuyên đề trên Báo, tạp chí (với Báo Đại biểu Nhân dân theo 2083/VPUBND-KT ngày 23/8/2024)	0502			32	32				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
Chi cục Trồng trọt và BVTV	Tập huấn thực hiện các chỉ tiêu xây dựng mô hình làng thông minh, xã nông thôn mới kiểu mẫu thuộc nhóm tiêu chí sản xuất. (*8 xã NTM nâng cao 2025)	0502	lớp	8	101	101				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(2)	Hội Nông dân Tỉnh				388	388	0	0	0	
	Tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng tuyên truyền xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	0502	Huyện	12	168	168				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tổ chức tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực về KTTT trong nông nghiệp	0502	lớp	12	220	220				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123 Thông tư 55/2023/TT-BTC

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
(3)	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)				100	100	0	0	0	
	Chi phí tổ chức thực hiện công tác truyền thông (sửa chữa, lắp mới pano, áp phích, in ấn tờ rơi,...) về xây dựng NTM, OCOP	0502			100	100				Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(4)	UBND huyện Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				65	65	0	0	0	
	Thực hiện truyền thông, tập huấn về NTM tại địa phương	0502		Truyền thông (10 bảng), tập huấn về NTM tại đại phương (10 lượt)	65	65				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(5)	UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)				70	70	0	0	0	
	Chi phí tổ chức thực hiện công tác truyền thông (sửa chữa, lắp mới pano, áp phích, in ấn tờ rơi,...), tập huấn về xây dựng NTM, NTM nâng cao và OCOP	0502			70	70				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(6)	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)				104	104	0	0	0	
	Thực hiện truyền thông, tập huấn về NTM tại địa phương	0502			104	104				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(7)	UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				210	210	0	0	0	
	Thực hiện truyền thông, tập huấn NTM cho các xã	0502			210	210				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(8)	UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)				540	540	0	0	0	
	Thực hiện tập huấn; truyền thông, tuyên truyền thực hiện Nông thôn mới - Tái cơ cấu Nông nghiệp - Phát triển kinh tế tập thể - OCOP tại địa phương	0502	xã	12	540	540				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(9)	UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)				78	78	0	0	0	
	Tập huấn về xây dựng NTM, NTM nâng cao	0502	lớp	6	78	78				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(10)	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				200	200	0	0	0	
	Thực hiện truyền thông (xây dựng Panô Chương trình NTM, OCOP): tập huấn về NTM tại địa phương	0502			200	200				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(11)	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)		15		77	77	0	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Thực hiện truyền thông, tập huấn về NTM tại địa phương	0502			77	77				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(12)	UBND thành phố Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)				40	40	0	0	0	
	Chi phí tổ chức thực hiện công tác truyền thông (sửa chữa, lắp mới pano, áp phích, in ấn tờ rơi,...), tập huấn về xây dựng NTM, NTM nâng cao và OCOP	0502			40	40				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(13)	UBND thành phố Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				60	60	0	0	0	Đề xuất bổ sung cho đơn vị để duy trì công tác tuyên truyền
	Chi phí tổ chức thực hiện công tác truyền thông (sửa chữa, lắp mới pano, áp phích, in ấn tờ rơi,...), tập huấn về xây dựng NTM, NTM nâng cao và OCOP	0502			60	60				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(14)	UBND thành phố Sa Đéc (bổ sung có mục tiêu)				30	30	0	0	0	Đề xuất bổ sung cho đơn vị để duy trì công tác tuyên truyền
	Chi phí tổ chức thực hiện công tác truyền thông (sửa chữa, lắp mới pano, áp phích, in ấn tờ rơi,...), tập huấn về xây dựng NTM, NTM nâng cao và OCOP	0502			30	30				Theo điểm b, khoản 1, Điều 123; khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
9.2	Chi phí quản lý Chương trình các cấp				1.637	1.637	0	0	0	Trích 1% tổng vốn TW hỗ trợ (ĐTPT, SN)
(1)	Sở Nông nghiệp và Môi trường				255	255	0	0	0	
	Văn phòng Điều phối tỉnh (hoạt động quản lý chương trình NTM, kinh phí tham gia dự thi Hội đồng đánh giá cấp huyện năm 2024 tại 12 huyện, thành phố)	0502			225	225				Theo Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Chi cục Phát triển nông thôn (chi phí QL đào tạo nghề)	0502			30	30				Theo khoản 6, Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(2)	Sở Nội vụ				50	50	0	0	0	
	Tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo về nông thôn mới do Bộ Nội vụ tổ chức	0502			50	50				Theo Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC
(3)	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh				90	90	0	0	0	
	Công tác kiểm tra, giám sát, giao lưu, học tập chia sẻ kinh nghiệm mô hình “Xây dựng nông thôn mới” trong và ngoài tỉnh.	0502	đợt	1	90	90				Theo Điều 122, điểm c, khoản 1, Điều 123 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(4)	Hội Nông dân Tỉnh				6	6	0	0	0	
	Khảo sát tình hình hoạt động của HTX dự kiến làm điểm để xây dựng kế hoạch củng cố, nâng chất lượng hoạt động thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2025 và giai đoạn 2026-2030	0502	chuyến	1	6	6				Theo Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC
(5)	Hội Cựu Chiến binh Tỉnh			16	51	51	0	0	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Hội nghị 02 năm CT MTQG xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Triển khai nội dung mới trong hoạt động tín dụng NHCSXH và BVMT; hướng dẫn TK phong trào "CCB giúp nhau giảm nghèo làm kinh tế giỏi giai đoạn 2021-2026"	0502	cuộc	1	51	51				Theo Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC
(6)	Đoàn Thanh niên CS HCM Tỉnh				87	87	0	0	0	
	Đoàn học tập kinh nghiệm về các mô hình khởi nghiệp và kết nối tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm OCOP với địa phương khác (02 ngày, 40 đại biểu)	0502	đợt	1	87	87				Theo điểm c, khoản 1, Điều 123 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(7)	- Sở Giáo dục và Đào tạo	0502			32	32				Theo khoản 6, Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC
(8)	UBND các huyện, thành phố (bổ sung có mục tiêu) thực hiện các nội dung quản lý chương trình NTM, OCOP				1.066	1.066	0	0	0	Chia bình quân theo số xã; 9 triệu/xã; theo Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC
	- Huyện Tân Hồng	0502			72	72				
	- Huyện Tam Nông	0502			99	99				
	- Huyện Thanh Bình	0502			108	108				
	- Huyện Tháp Mười	0502			108	108				
	- Huyện Hồng Ngự	0502			101	101				Ưu tiên huyện NTM 2025; bổ sung thêm 20 triệu
	- Huyện Cao Lãnh	0502			153	153				
	- Huyện Lấp Vò	0502			108	108				
	- Huyện Lai Vung	0502			99	99				
	- Huyện Châu Thành	0502			119	119				Ưu tiên huyện NTM 2025; bổ sung thêm 20 triệu
	- Thành phố Sa Đéc	0502			27	27				
	- Thành phố Cao Lãnh	0502			54	54				
	- Thành Phố Hồng Ngự	0502			18	18				
9.3	Nhiệm vụ phát sinh (thực hiện các chương trình Chuyên đề, công bố huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, khen thưởng OCOP 04 sao và 05 sao; phối hợp Cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ khảo sát, điều tra tiêu chí 10 về Thu nhập;...) Sở Nông nghiệp và PTNT - Văn phòng Điều phối tỉnh	0502			5.000		5.000			
IV	PHÂN BỐ HỖ TRỢ MỘT PHẦN CHO CÁC XÃ, HUYỆN THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				24.856	2.340	10.328	11.248	940	
1	Hỗ trợ một phần xây dựng huyện nông thôn mới (Huyện Hồng Ngự)				4.730	2.340	25	2.365	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (xây dựng và nhân rộng mô hình cải tạo cảnh quan, trồng cây xanh các tuyến đường huyện)	0497		15 km	3.000	1.500		1.500		Theo Khoản 13, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Đầu tư mới hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin cho các xã chưa được trang bị gồm Long Khánh A; Thường Lạc; Thường Phước 2. Mỗi đơn vị tối thiểu 15 cụm loa. Tổng 45 cụm loa	0498			1.680	840		840		Theo điểm a, khoản 2, Điều 2, , Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Mua sắm, nâng cấp thiết bị kỹ thuật của đài truyền thanh cấp huyện chưa có thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	0498			50		25	25		Theo điểm b, khoản 2, Điều 2, , Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND (Điều 82, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngân sách địa phương hỗ trợ đối với cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện)
2	Hỗ trợ một phần xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao (Huyện Châu Thành)				6.400	0	3.200	3.200	0	
	Hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (xây dựng và nhân rộng mô hình cải tạo cảnh quan, trồng cây xanh các tuyến đường huyện)	0497			1.500		750	750		Theo Khoản 13, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn cấp xã	0497	xã	11	2.200		1.100	1.100		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497	xã	11	2.700		1.350	1.350		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3	Hỗ trợ một phần xây dựng xã nông thôn mới nâng cao		xã	5	7.110	0	3.585	2.585	940	
3.1	Hỗ trợ xã Tân Hộ Cơ - UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)				400	0	200	200	0	
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			100		50	50		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			300		150	150		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.2	Hỗ trợ xã Hoà Bình - UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)				1.070	0	535	300	235	
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn (tuyến đường kiểu mẫu)	0497			470		235		235	Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			600		300	300		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.3	Hỗ trợ xã Tân Mỹ - UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)				380	0	190	190	0	
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			80		40	40		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			300		150	150		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.4	Hỗ trợ xã Mỹ Hoà - UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)				1.110	0	585	300	225	
	Thực hiện tuyên truyền toàn dân xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao	0502			60		60			Theo khoản 1, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			450		225		225	Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			600		300	300		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.5	Hỗ trợ xã Hoà Long, Phong Hoà - UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				2.090	0	1.045	1.045	0	
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			1.100		550	550		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa	0497			990		495	495		Theo Khoản 21, Điều 1, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND
3.6	Hỗ trợ 03 xã: Phong Mỹ, Mỹ Hội, Gáo Giồng - UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				960	0	480	0	480	
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			960		480		480	Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
3.7	Hỗ trợ xã Vĩnh Thạnh - UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)				1.100	0	550	550	0	
	Hỗ trợ thực hiện và nhân rộng mô hình thu gom phân loại rác thải tại nguồn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tập huấn, xây dựng mô hình)	0497			600		300	300		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			500		250	250		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
4	Hỗ trợ một phần xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu		xã	5	6.616	0	3.518	3.098	0	

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
4.1	Hỗ trợ xã Phú Cường - UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)				1.350	0	675	675	0	
	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Hỗ trợ mô hình Làng thông minh)	0498	mô hình	1	750	0	375	375	0	Theo Khoản 14, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	- Thực hiện mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất, sinh hoạt xây dựng Làng thông minh				350		175	175		
	- Trang bị Thiết bị Phòng dạy học STEM trường TH Phú Cường 1)				400		200	200		
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			600		300	300		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
4.2	Hỗ trợ xã Mỹ Long - UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				1.886	0	943	943	0	
	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Hỗ trợ mô hình Làng thông minh)	0498	mô hình	1	1.286	0	643	643	0	Theo Khoản 14, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	- Thực hiện mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất, sinh hoạt xây dựng Làng thông minh				350		175	175		
	- Trang bị phòng học STEM cho các trường MN, TH, THCS trên địa bàn xã Mỹ Long (tiêu chí làng thông minh)				936		468	468		
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			300		150	150		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			300		150	150		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
4.3	Hỗ trợ xã Phú Điền - UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)				1.610	0	805	805	0	
	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Hỗ trợ mô hình Làng thông minh)	0498	mô hình	1	980	0	490	490	0	Theo Khoản 14, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	- Trang bị phòng học STEM cho Trường THCS Phú Điền, Trường Tiểu học Phú Điền, Trường TH và THCS Phú Điền (tiêu chí làng thông minh)				980		490	490		
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			180		90	90		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			450		225	225		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
4.4	Hỗ trợ xã Tân Khánh Đông - UBND thành phố Sa Đéc (bổ sung có mục tiêu)				930	0	655	275	0	
	Triển khai các nội dung 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 của tiêu chí "Dịch vụ số chia sẻ và dùng chung" (triển khai phần mềm, tư vấn, tập huấn)	0498			380		380			Theo điểm b, c khoản 2 Điều 111 Thông tư số 55/2023/TT-BTC
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497	20		100		50	50		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Hỗ trợ mô hình Làng thông minh)	0498	mô hình	1	450	0	225	225	0	Theo Khoản 14, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	- Thực hiện mô hình vận thành tổ sử dụng internet và Tổ điều hành hoạt động Làng thông minh				100		50	50		
	- Thực hiện mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất, sinh hoạt xây dựng Làng thông minh				350		175	175		
4.5	Hỗ trợ xã Tân Thuận Tây - UBND thành phố Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)				390	0	215	175	0	
	Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong thực hiện công tác bảo vệ môi trường	0497			40		40			Theo điểm c, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC
	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở - Chi mua sắm, thay thế cụm loa có dây, không dây FM hư hỏng không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của đài truyền thanh xã	0498			280		140	140		Theo điểm a, khoản 2, Điều 2 NQ 22/2022/NQ-HĐND mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 280 triệu đồng/xã
	Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	0497			70		35	35		Theo Khoản 10, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
4.6	Hỗ trợ xã Tân Thành - UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)				450	0	225	225	0	
	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Hỗ trợ mô hình Làng thông minh): Thực hiện mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất xã Tân Thành (làng thông minh)	0498	mô hình	1	250		125	125		Theo Khoản 14, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	0497			200		100	100		Theo Khoản 12, Điều 2, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
V	PHÂN BỐ HỖ TRỢ MỘT PHẦN CHO CÁC HUYỆN THỰC HIỆN DUY TU BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ THEO THÔNG TƯ SỐ 75/2024/TT-BTC NGÀY 31/10/2024				21.000	0	21.000	0	0	Theo Điều 124a, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024
	Hỗ trợ thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư đã xuống cấp nhằm khắc phục sự hài lòng của người dân về cơ sở hạ tầng nông thôn, góp phần củng cố, nâng chất tiêu chí xã, huyện NTM, NTM nâng cao									Danh mục cụ thể do huyện rà soát, đánh giá tính ưu tiên, quyết định phê duyệt đầu tư duy tu bảo dưỡng
1	UBND huyện Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)	0492			4.000		4.000			Ưu tiên hỗ trợ huyện thực hiện huyện NTM năm 2025

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
					TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
							Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
2	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)	0492			4.000		4.000			Ưu tiên hỗ trợ huyện thực hiện huyện NTM nâng cao năm 2025
3	UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)	0492			3.000		3.000			Ưu tiên hỗ trợ huyện khắc phục sự hài lòng của người dân về cơ sở hạ tầng nông thôn để chuẩn bị được công nhận đạt chuẩn năm 2024
4	UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)	0492			3.000		3.000			
5	UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)	0492			1.400		1.400			
6	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)	0492			1.400		1.400			Hỗ trợ huyện tiếp tục khắc phục sự hài lòng của người dân về cơ sở hạ tầng nông thôn
7	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)	0492			1.400		1.400			
8	UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)	0492			1.400		1.400			
9	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)	0492			1.400		1.400			

PHỤ LỤC II

PHÂN KHAI, GIAO DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp) □

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Mã CT	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
			TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
					Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	TỔNG CỘNG		95.182	35.905	43.890	13.173	2.214	
1	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị	0492	21.000	0	21.000	0	0	
	UBND huyện Hồng Ngự (bổ sung có mục tiêu)		4.000		4.000			
	UBND huyện Châu Thành (bổ sung có mục tiêu)		4.000		4.000			
	UBND huyện Tháp Mười (bổ sung có mục tiêu)		3.000		3.000			
	UBND huyện Cao Lãnh (bổ sung có mục tiêu)		3.000		3.000			
	UBND huyện Lấp Vò (bổ sung có mục tiêu)		1.400		1.400			
	UBND huyện Lai Vung (bổ sung có mục tiêu)		1.400		1.400			
	UBND huyện Thanh Bình (bổ sung có mục tiêu)		1.400		1.400			
	UBND huyện Tam Nông (bổ sung có mục tiêu)		1.400		1.400			
	UBND huyện Tân Hồng (bổ sung có mục tiêu)		1.400		1.400			
2	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	0493	23.737	16.051	6.312	100	1.274	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường		3.475	3.475	0	0	0	
	Sở Tài chính		157	157	0	0	0	
	Sở Công Thương		760	650	110	0	0	
	Sở Giáo dục và Đào tạo		60	60				
	Trường Cao Đẳng Cộng đồng		193	193	0	0	0	
	Liên Minh Hợp Tác Xã tỉnh		404	404	0	0	0	
	Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại, Du lịch Và Đầu tư (Sau khi Đề án sắp xếp được phê duyệt sẽ chuyển kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho đơn vị mới tiếp nhận để tiếp tục thực hiện)		1.500	1.500	0	0	0	
	Đoàn Thanh niên CS HCM tỉnh		63	63	0	0	0	
	Huyện Cao Lãnh		2.284	883	1.401	0	0	
	Huyện Châu Thành		1.141	881	260	0	0	
	Huyện Hồng Ngự		1.000	656	344	0	0	
	Huyện Lai Vung		900	840	60	0	0	
	Huyện Lấp Vò		1.187	657	530	0	0	
	Huyện Tam Nông		1.269	829	440	0	0	
	Huyện Tân Hồng		1.595	1.535	60	0	0	
	Huyện Thanh Bình		1.099	745	354	0	0	
	Huyện Tháp Mười		1.487	737	750	0	0	
	Thành Phố Cao Lãnh		3.324	1.213	737	100	1.274	
	Thành Phố Sa Đéc		873	265	608	0	0	
	Thành Phố Hồng Ngự		966	308	658	0	0	
3	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân nông thôn	0495	0	0	0	0	0	

STT	Đơn vị	Mã CT	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
			TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
					Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
4	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	0496	1.549	1.549	0	0	0	
	Huyện Tân Hồng		90	90				
	Huyện Thanh Bình		199	199				
	Huyện Lai Vung		625	625				
	Huyện Cao Lãnh		420	420				
	Huyện Tam Nông		150	150				
	Thành phố Cao Lãnh		65	65				
5	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	0497	29.409	9.719	9.115	9.635	940	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường		5.212	5.212	0	0	0	
	Sở Công Thương		257	257				
	Hội Nông Dân Tỉnh		1.473	1.473	0	0	0	
	Huyện Tháp Mười		4.312	132	2.090	1.865	225	
	Huyện Hồng Ngự		3.122	1.622	0	1.500	0	
	Huyện Châu Thành		6.521	121	3.200	3.200	0	
	Huyện Cao Lãnh		1.747	187	780	300	480	
	Huyện Lấp Vò		1.232	132	550	550	0	
	Huyện Lai Vung		2.411	121	1.145	1.145	0	
	Huyện Thanh Bình		512	132	190	190	0	
	Huyện Tam Nông		1.791	121	835	600	235	
	Huyện Tân Hồng		488	88	200	200	0	
	Thành phố Sa Đéc		133	33	50	50	0	
	Thành phố Cao Lãnh		176	66	75	35	0	
	Thành phố Hồng Ngự		22	22	0	0	0	
6	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM	0498	8.006	2.165	2.403	3.438	0	
	Sở Khoa học và Công nghệ		750	750	0	0	0	
	Huyện Lai Vung		1.150	450	125	575	0	
	Huyện Châu Thành		250	125		125		
	Huyện Hồng Ngự		1.730	840	25	865	0	
	Huyện Tam Nông		750	0	375	375	0	
	Huyện Cao Lãnh		1.286	0	643	643	0	
	Huyện Tháp Mười		980	0	490	490	0	
	Thành phố Sa Đéc		830	0	605	225	0	
	Thành phố Cao Lãnh		280		140	140		
7	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	0499	1.244	1.244	0	0	0	
	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc VN Tỉnh		660	660				
	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Tỉnh		354	354				
	Đoàn Thanh niên CS HCM tỉnh		171	171				

STT	Đơn vị	Mã CT	Kế hoạch phân khai, giao dự toán năm 2025					Ghi chú
			TỔNG CỘNG	Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng		Vốn huy động hợp pháp khác	
					Vốn tỉnh	Vốn huyện/TP		
	Liên Đoàn Lao Động Tỉnh		59	59				
8	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	0501	1.129	1.129	0	0	0	
	Công an tỉnh		1.129	1.129				
9	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	0502	9.108	4.048	5.060	0	0	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường		5.704	704	5.000	0	0	
	Sở Nội vụ		50	50				
	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc VN Tỉnh		90	90				
	Hội Nông Dân Tỉnh		394	394				
	Hội Cựu Chiến Binh Tỉnh		51	51				
	Đoàn Thanh niên CS HCM tỉnh		87	87				
	Sở Giáo dục và Đào tạo		32	32				
	Huyện Tân Hồng		172	172				
	Huyện Hồng Ngự		166	166				
	Huyện Tam Nông		169	169				
	Huyện Thanh Bình		212	212				
	Huyện Cao Lãnh		363	363				
	Huyện Tháp Mười		708	648	60			
	Huyện Lấp Vò		186	186				
	Huyện Lai Vung		299	299				
	Huyện Châu Thành		196	196				
	Thành phố Hồng Ngự		58	58				
	Thành phố Cao Lãnh		114	114				
	Thành phố Sa Đéc		57	57				